

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 130/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Anh; Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/06/1984; **số CCCD: 040084025726**. Địa chỉ: Xóm N, xã B (xã T, huyện T cũ), tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn*: Chị; Thái Thị B, sinh ngày 20/05/1985; **số CCCD: 040185039004**. Địa chỉ: Xóm N, xã B (xã T, huyện T cũ), tỉnh Nghệ An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09/12/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Quang T và chị Thái Thị B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quang T và chị Thái Thị B.

2.2. *Về trách nhiệm nuôi con*: Hai đương sự thống nhất vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 11/09/2006; Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 29/01/2009 và Nguyễn Quang Hải Đ, sinh ngày 22/12/2019.

2.2.1. Ly hôn cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 11/09/2006 đã thành niên và không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

2.2.2. Ly hôn giao cho chị Thái Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 29/01/2009 và Nguyễn Quang Hải Đ, sinh ngày 22/12/2019.

Anh Nguyễn Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu, năm trăm nghìn đồng*) cho 01 cháu ( 3.000.000 đồng cho 02 cháu ); kể từ tháng 01/2026 cho đến khi các cháu thành niên đủ 18 tuổi.

2.2.3. Anh Nguyễn Quang T, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2.4. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.2.5. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2.3. *Về chia tài sản chung và nợ*: Tòa án không xem xét.

2.4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Quang T, phải chịu: 150.000 đồng ( *Một trăm, năm mươi nghìn đồng* ) tiền án phí xin ly hôn và 150.000 đồng ( *Một trăm, năm mươi nghìn đồng* ) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Quang T được trừ đi 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí số **0002604** ngày 12/11/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND khu vực 5 – Nghệ An
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An
- Các đương sự
- UBND xã Bích Hào, tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**

( đã ký )

**Nguyễn Trọng Sơn**